

BÀI 19: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
- Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng.
- Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.
- Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với GV và các bạn khác trong lớp.
- *Tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực riêng:

- *Năng lực tìm hiểu địa lí:* Khai thác thông tin, bảng 19, hình 19.1 – 19.4 SGK và các tài liệu khác có liên quan đến bài học để trình bày được thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng, trình bày được đặc điểm dân cư, đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ; phân tích được sự phát triển và vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Năng lực nhận thức và tư duy địa lí:* Khai thác thông tin, hình 19.1; 19.3 SGK nhận thức thế giới theo quan điểm không gian để xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ.

3. Phẩm chất

- *Chăm chỉ*: Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động học tập.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức và hành động trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường vùng Đông Nam Bộ.
- *Yêu nước*: Tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau giữa các vùng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Chân trời sáng tạo (phần Địa lí)*.
- Bảng số liệu, tranh ảnh, thông tin, tư liệu do GV sưu tầm về nội dung bài học *Vùng Đông Nam Bộ*.
- Phiếu học tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT *Lịch sử và Địa lí 9 – Chân trời sáng tạo (phần Địa lí)*.
- Sưu tầm trên sách, báo, internet thông tin, tư liệu về nội dung bài học *Vùng Đông Nam Bộ*.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Cung cấp thông tin, tạo kết nối giữa kiến thức của HS với nội dung bài học.
- Tạo hứng thú, kích thích tò mò của HS.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán địa danh*. HS quan sát hình ảnh và trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về địa danh xuất hiện trong hình ảnh của trò chơi và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhìn hình đoán địa danh*.
- GV mời HS theo tinh thần xung phong tham gia trò chơi.
- GV phổ biến luật chơi cho HS:
 - + HS quan sát hình ảnh về một số tỉnh/thành phố thuộc vùng Đông Nam Bộ, sau đó đoán tên tỉnh thông qua những hình ảnh đặc trưng của địa phương.
 - + HS trả lời nhanh nhất và đoán đúng qua hình ảnh sẽ được điểm cộng.

- GV trình chiếu hình ảnh:



Hình 1:.....



Hình 2:.....



Hình 3:.....



Hình 4:.....

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh và đoán đặc sản.
- Các HS còn lại trong lớp cổ vũ bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời HS xung phong trả lời.
- Nếu trả lời sai, GV tiếp tục mời HS còn lại đưa ra đáp án.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án:

+ Hình 1: Tp. Hồ Chí Minh

+ Hình 2: Bà Rịa - Vũng Tàu

+ Hình 3: Tây Ninh

+ Hình 4: Bình Phước

=> Đây là những tỉnh/ thành phố của vùng Đông Nam Bộ.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: Vùng Đông Nam Bộ là đầu tàu kinh tế của cả nước với những tiềm năng và lợi thế phát triển dựa vào vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài

nguyên thiên nhiên cùng với sức hút của các đô thị. Cùng với các ngành kinh tế thế mạnh, việc tăng cường kết nối liên vùng có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của vùng? Thành phố Hồ Chí Minh có vị thế như thế nào đối với vùng và cả nước? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay – **Bài 19: Vùng Đông Nam Bộ.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ

a. Mục tiêu: Thông qua Hoạt động, HS xác định được trên bản đồ vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Bộ.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS cả lớp làm việc cá nhân, dựa vào hình 19.1, mục 1 SGK tr.202 và trả lời câu hỏi: *Xác định vị trí và phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Bộ.*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về vị trí và phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Bộ.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào hình 19.1 và mục 1 SGK tr.202 và trả lời câu hỏi: <i>Xác định vị trí và phạm vi lãnh thổ của Đông Nam Bộ.</i>  Hình 19.1. Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ - GV trình chiếu video về Đông Nam Bộ cho HS xem: https://www.youtube.com/watch?v=Uf4f_Cr3Shw Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập	1. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ - Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển bậc nhất nước ta với nhiều vùng biển rộng lớn có các đảo, hải đảo lớn nhỏ. - Vùng Đông Nam Bộ bao gồm các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu. - Đông Nam Bộ tiếp giáp Tây Nguyên, Bắc Trung

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân mà GV yêu cầu. - GV quan sát, hướng dẫn HS trong quá trình hoàn thành nội dung (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên HS lên bảng xác định trên bản đồ và trình bày thông tin. - GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về <i>Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ vùng Đông Nam Bộ</i>. - GV chuyển sang nội dung mới.	Bộ và Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long và Cam – pu – chia.
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

a. Mục tiêu: Thông qua được các thể mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.

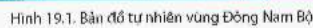
b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc theo 6 nhóm, khai thác Hình 19.1, thông tin mục 2 SGK tr.202 – tr.204 và hoàn thành *Phiếu học tập số 1*.

c. Sản phẩm: *Phiếu học tập số 1* của HS về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu dẫn dắt: <i>Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển bậc nhất với những điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên mà mẹ thiên nhiên ưu ái ban tặng.</i> - GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS: <i>Khai thác Hình 19.1, thông tin mục 2 SGK tr.202 – tr.204 và hoàn thành Phiếu học tập số 1.</i> + Nhóm 1: <i>Tìm hiểu địa hình, đất.</i> + Nhóm 2: <i>Tìm hiểu khí hậu.</i> + Nhóm 3: <i>Tìm hiểu nguồn nước.</i> + Nhóm 4: <i>Tìm hiểu sinh vật.</i>	2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. a) <i>Thế mạnh</i> b) <i>Hạn chế</i> <i>Phiếu học tập số 1</i> đính kèm phía dưới <i>Hoạt động 2</i>.

+ **Nhóm 6:** *Tìm hiểu biển, đảo.*



Nhóm:

Thế mạnh		Hạn chế
Địa hình, đất		
Khí hậu		
Nguồn nước		
Rừng		
Khoáng sản		
Biển, đảo		

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và hoàn thành *Phiếu học tập số 1*.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày nội dung tìm hiểu theo *Phiếu học tập số 1*.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên*.

- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Tư liệu 1:



Hồ Dầu Tiếng



Hồ Trị An



Vườn quốc gia Cát Tiên



Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.



Vườn quốc gia Lò Go – Xa Mát



Vườn quốc gia Côn Đảo

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Nhóm:

Thế mạnh		Hạn chế
Địa hình và đất	Địa hình tương đối bằng phẳng, đất chủ yếu là đất badan và đất xám phù sa cổ, đất feralit. Thuận lợi quy hoạch vùng trồng cây công nghiệp và cây ăn quả, phát triển công nghiệp, xây dựng đô thị và hệ thống giao thông vận tải.	Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước, triều cường, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường....
Khí hậu	Nằm trong vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa, có mùa khô và mùa mưa rõ rệt.	
Nguồn nước	Hệ thống sông Đồng Nai và các hồ thủy điện, nguồn nước ngầm có giá trị cung cấp nước, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và giao thông vận tải.	
Rừng	Rừng nhiệt đới cận xích đạo chiếm ưu thế với nhiều vườn quốc gia và rừng ngập mặn.	

Khoáng sản	Chủ yếu là khoáng sản vật liệu xây dựng tạo điều kiện để phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.	
Biển, đảo	Biển có nhiều tài nguyên thiên nhiên: sinh vật biển, khoáng sản biển, nhiều nơi xây dựng cảng biển thuận lợi phát triển kinh tế biển: khai thác và chế biến khoáng sản, du lịch biển...	

Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm dân cư, đô thị hóa

a. Mục tiêu: Thông qua Hoạt động, HS:

- Trình bày được đặc điểm về dân cư ở vùng Đông Nam Bộ.
- Trình bày được đặc điểm về đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, khai thác Bảng 19, Hình 19.2, thông tin mục 3 SGK tr.204 – tr.205 và trả lời câu hỏi:

- + *Trình bày đặc điểm dân cư ở vùng Đông Nam Bộ.*
- + *Trình bày đặc điểm đô thị hóa ở vùng Đông Nam Bộ.*

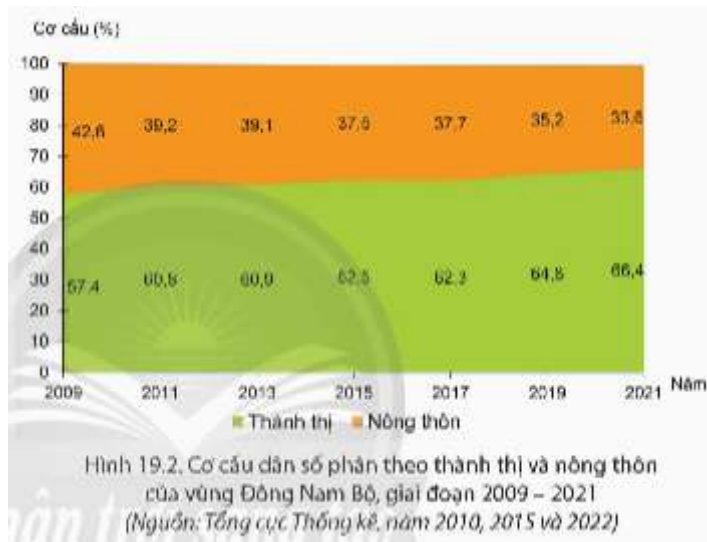
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về đặc điểm dân cư và đô thị hóa ở Đông Nam Bộ.

HOẠT ĐỘNG GV - HS					SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ: Dựa vào Bảng 19, Hình 19.2, mục 3 SGK tr.204 – tr.205 và hoàn thành các nhiệm vụ: + Nhiệm vụ 1: Khai thác bảng 19 và mục 3.a và nhận xét đặc điểm dân cư ở Đông Nam Bộ. Tỉ suất nhập cư, xuất cư ở vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2010 – 2021 (Đơn vị: %)					3. Đặc điểm dân cư, đô thị hóa a. Đặc điểm dân cư - Đông Nam Bộ là vùng đông dân chiếm 18,6% dân số cả nước. - Mật độ dân số cao gấp 2,6 lần mức trung bình cả nước với TP. Hồ Chí
Năm	2010	2015	2020	2021	

Tỉ suất nhập cư	24,8	12,8	20,4	17,9
Tỉ suất xuất cư	4,9	3,1	1,7	2,2

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2011 và 2022)

+ **Nhiệm vụ 2:** Khai thác Hình 19.2 và mục 3b và trình bày đặc đô thị hóa ở Đông Nam Bộ



- GV cung cấp một số hình ảnh về thành phần dân tộc ở vùng Đông Nam Bộ và tư liệu về đô thị hóa:



Dân tộc Chơ ro



Dân tộc Mạ



Dân tộc Xtiêng



Dân tộc Cơ Ho

Tư liệu 2:

Thành phố Thủ Đức là một thành phố trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, được chính thức thành lập vào năm

Minh có mật độ dân số đứng đầu cả nước.

- Đông Nam Bộ có tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp và ngày càng giảm.

- Vùng có cơ cấu dân số trẻ với số người trong độ tuổi lao động đông. Đồng thời là nơi cư trú của nhiều thành phần dân tộc.

b. Đặc điểm đô thị hóa

- Quá trình đô thị hóa ở Đông Nam Bộ diễn ra mạnh nhất cả nước.

- Đông Nam Bộ là vùng có trình độ đô thị hóa cao với dân thành thị chiếm 66,4% và phân bố tương đối hợp lí.

- Tốc độ đô thị hóa ở Đông Nam Bộ góp phần mở rộng các đô thị hiện có và thành lập thêm nhiều đô thị mới như Thủ Dầu Một, Dĩ An...

- Đông Nam Bộ đang xây dựng TP. Hồ Chí Minh là một trong

2021 trên cơ sở sáp nhập 3 quận cũ là Quận 2, Quận 9 và quận Thủ Đức. Đây là thành phố trực thuộc thành phố đầu tiên của Việt Nam. (Nguồn: Nghị quyết số 111/NQ – UBTWQH14 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân mà GV yêu cầu. - GV quan sát, hướng dẫn HS trong quá trình hoàn thành nội dung (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên HS lên bảng trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về vấn đề dân cư, đô thị hóa. - GV chuyển sang nội dung mới.	những đô thị thông minh tại Việt Nam.
--	---------------------------------------

Hoạt động 4: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố kinh tế

a. Mục tiêu: Thông qua Hoạt động, HS:

- Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở Đông Nam Bộ.
- Phân tích được thế mạnh về du lịch ở Đông Nam Bộ.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc nhóm, khai thác Hình 14.2 – 14.4, Bảng 14.1 – 14.4, thông tin mục 5, 6 SGK tr.173 – tr.178 và hoàn thành *Phiếu học tập số 2*.

c. Sản phẩm: *Phiếu học tập số 2* của HS về sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV trình chiếu hình ảnh và dẫn dắt: <i>Đông Nam Bộ là vùng phát triển năng động với những trung tâm tài chính kinh tế, dịch vụ, giáo dục hàng đầu cả nước.</i>	5. Sự phát triển và phân bố kinh tế 6. Vấn đề phát triển kinh tế biển, đảo



Phiếu học tập số 2 đính kèm phía dưới Hoạt động 4.

- GV chia lớp thành các 4 nhóm, dựa vào vào Hình 19.3 và thông tin mục 4 SGK tr.206 – tr.208 và hoàn thành *Phiếu học tập số 2: Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế*



- + **Nhóm 1:** Phân tích sự phát triển công nghiệp.
- + **Nhóm 2:** Phân tích sự phát triển dịch vụ.
- + **Nhóm 3:** Phân tích sự phát triển kinh tế biển, đảo.
- + **Nhóm 4:** Phân tích sự phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC

NGÀNH KINH TẾ

Nhóm:

1. Công nghiệp.

.....
.....

2. Dịch vụ

.....
.....

3. Kinh tế biển, đảo.

.....
.....

4. Phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả.

.....
.....

- GV cung cấp một số tư liệu về sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Đông Nam Bộ (Đính kèm phía dưới Hoạt động 4).

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS khai thác thông tin trong mục kết hợp tư liệu do GV cung cấp, thảo luận và hoàn thành *Phiếu học tập số 2*.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thảo luận.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 4 nhóm trình bày nội dung tìm hiểu trong *Phiếu học tập 2*.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế*:
- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

KẾT QUẢ PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Công nghiệp

- Công nghiệp phát triển chiếm khoảng 38% vào GRDP của vùng và 31,7% giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước (2021).
- Một số ngành công nghiệp thế mạnh của Đông Nam Bộ là: khai thác dầu thô, khí tự nhiên, sản xuất ô tô, hóa chất, cơ khí.... Ngoài ra còn phát triển một số ngành như sản xuất điện tử, máy vi tính, sản phẩm số....
- Các ngành công nghiệp tập trung chủ yếu ở tứ giác TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu....

<https://www.youtube.com/watch?v=lt-lPpzmW30>

2. Dịch vụ

- Đông Nam Bộ có ngành dịch vụ phát triển chiếm hơn 42% GRDP của vùng và 30% giá trị sản xuất ngành dịch vụ cả nước. Hoạt động dịch vụ có chất lượng và giá trị tăng cao trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin, du lịch...
- + *Tài chính ngân hàng*: Thành Phố Hồ Chí Minh là trung tâm tài chính quốc gia với đa dạng các sản phẩm dịch vụ như ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, tư vấn kế toán – kiểm toán.
- + *Logistic*: phát triển mạnh với hệ thống logistics gắn với hệ thống biển cảng, cảng thủy nội địa, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế... tại TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long Thành....

<https://www.youtube.com/watch?v=lceC8-Gf7ls>

- + *Du lịch*: Phát triển các loại hình nghỉ dưỡng, sinh thái, tâm linh ở các TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.....

<https://www.youtube.com/watch?v=8lJzI4jLn7g>

3. Kinh tế biển, đảo

- + *Giao thông vận tải biển*: vùng phát triển với nhiều cảng biển trung chuyển quốc tế trong và ngoài nước, các dịch vụ hậu cần cảng biển....



Một góc cụm cảng Cái Mép – Thị Vải

Cảng Sao Mai – Bến Đình

+ *Khai thác khoáng sản biển:* địa bản chủ lực khai thác dầu thô và khí tự nhiên của nước ta với các mỏ quan trọng như Bạch Hổ, Rồng....



Các dàn khai thác dầu mỏ tại mỏ Bạch Hổ

Giàn nén khí tại mỏ Rồng

+ *Du lịch biển:* hình thành các khu nghỉ dưỡng bãi tắm đẹp như Vũng Tàu, Đầm Trâu (Bà Rịa – Vũng Tàu), các khu du lịch sinh thái và khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia ở Bình Châu – Phước Bửu, Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu)...



Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Bình Phước

Vườn quốc gia Côn Đảo

+ *Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản:* đẩy mạnh phát triển nghề cá xa bờ, nuôi trồng hải sản giá trị hàng hóa cao gắn kết dịch vụ thương mại nghề cá và chế biến xuất khẩu.

4. Phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả

- *Cây công nghiệp:* Đông Nam Bộ hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm mang lại giá trị kinh tế cao ở Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương với một số cây công nghiệp lâu năm như cao su, điều, hồ tiêu...



Cao su Bình Phước mùa thay lá

*Điều phát triển tại Đồng Nai *

- *Cây ăn quả:* Cây ăn quả nhiệt đới là thế mạnh của vùng với các loại cây như sầu riềng, chôm chôm, măng cụt, măng cầu... tại Đồng Nai, Bình Dương....

Hoạt động 5: Tìm hiểu ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng và vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

a. Mục tiêu: Thông qua Hoạt động, HS:

- Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.
- Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi, khai thác Hình 19.4, mục *Em có biết*, thông tin mục 5 và 6 SGK tr.208 – tr.209 và trả lời câu hỏi:

+ *Phân tích ý nghĩa của việc tăng cường liên kết vùng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ.*

+ *Phân tích vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
* Hoạt động 1: Ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ: Khai thác mục 5 SGK tr.208 và trả lời câu hỏi: <i>Nêu ý nghĩa của việc tăng cường liên kết vùng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ.</i> - GV tổ chức cho HS xem video: https://www.youtube.com/watch?v=hv5bzB5n9H0	5. Ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng - Liên kết vùng là tạo mối không gian kinh tế với không gian tự nhiên, xã hội, sinh thái, góp phần tạo ra mối quan hệ kinh tế linh

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân mà GV yêu cầu. - GV quan sát, hướng dẫn HS trong quá trình hoàn thành nội dung (nếu cần thiết). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - GV gọi ngẫu nhiên HS lên bảng trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, đánh giá, kết luận về <i>tăng cường liên kết vùng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ</i>. - GV chuyển sang nội dung mới.	động cho vùng quốc gia giúp phát triển kinh tế bền vững. - Liên kết vùng ở Đông Nam có ý nghĩa là: + Phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng, khắc phục tình trạng phát triển chậm mún, giúp nâng cao mức sống người dân. + Góp phần tăng cường mối liên kết hai chiều giữa Đông Nam Bộ và các vùng khác. + Cung ứng cho các vùng khác thế mạnh về hạ tầng logistics, đầu mối giao thông vận tải, hệ thống cảng hàng không, cảng biển quốc tế...
* Hoạt động 2: Vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ: Khai thác Hình 19.4, mục <i>Em có biết</i> và mục 6 SGK tr.209 và trả lời câu hỏi: <i>Phân tích vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh</i>. Hình 19.4. Một góc Thành phố Hồ Chí Minh	6. Vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. - Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế và đầu tàu kinh tế của Đông Nam Bộ và cả nước. - Quy mô kinh tế lớn nhất, thu nhập bình quân đầu người cao, thu hút nhiều dự án đầu tư.



Em có biết?

Theo Nghị quyết 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sẽ phát triển vùng động lực phía Nam, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các địa bàn cấp huyện dọc theo trục quốc lộ 22, quốc lộ 13, quốc lộ 1, quốc lộ 51 qua các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh là cực tăng trưởng.

(Nguồn: Nghị quyết 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân mà GV yêu cầu.
- GV quan sát, hướng dẫn HS trong quá trình hoàn thành nội dung (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV gọi ngẫu nhiên HS lên bảng trả lời câu hỏi.
- GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về *vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh*.
- GV chuyển sang nội dung mới.

- Là trung tâm công nghiệp dịch vụ lớn nhất hàng đầu cả nước.

- Thành phố Hồ Chí Minh thúc đẩy phát triển kinh tế đối với Đông Nam Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Mục tiêu phấn đấu: phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm tài chính, tài chính, dịch vụ của châu Á.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố kiến thức đã học về *Đông Nam Bộ*.

b. Nội dung:

- GV cho HS làm Phiếu bài tập trắc nghiệm về *Đông Nam Bộ*.
- GV cho HS trả lời câu hỏi bài tập phần Luyện tập SGK tr.209

c. Sản phẩm: Đáp án của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS làm *Phiếu bài tập*, trả lời nhanh một số câu hỏi trắc nghiệm tổng kết bài học *Đông Nam Bộ*.
- GV phát *Phiếu bài tập* cho HS cả lớp thực hiện trong thời gian 10 phút:

Trường THCS:.....

Lớp:.....

Họ và tên:.....

PHIẾU BÀI TẬP ĐỊA LÍ 9 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

BÀI 19: ĐÔNG NAM BỘ

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Đông Nam Bộ gồm bao nhiêu tỉnh?

- A. 2 tỉnh. B. 6 tỉnh. C. 3 tỉnh. D. 7 tỉnh.

Câu 2: Đông Nam Bộ tiếp giáp bao nhiêu vùng kinh tế nước ta?

- A. 4 vùng kinh tế. B. 3 vùng kinh tế.
C. 2 vùng kinh tế. D. 5 vùng kinh tế.

Câu 3: Quần đảo nào lớn nhất Đông Nam Bộ.

- A. Vân Đồn. B. Phú Quốc.
C. Phú Quý. D. Côn Đảo.

Câu 4: Diện tích tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ là

- A. 52,1 nghìn km². B. 23,6 nghìn km². C. 51,2 nghìn km². D. 80 nghìn km².

Câu 5: Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Tây Ninh B. Đồng Nai C. Tây Phước D. Quảng Trị.

Câu 6: Đông Nam Bộ **không** tiếp giáp với vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Tây Nguyên.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 7: Đặc điểm dân cư nào sau đây đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Số dân đông nhất cả nước do kinh tế phát triển.
B. Mật độ dân số cao nhất cả nước do kinh tế phát triển.
C. Tỷ lệ gia tăng dân số cao nhất cả nước do tỷ lệ sinh cao.
D. Tỷ lệ gia tăng dân số tương đối cao, chủ yếu do nhập cư.

Câu 8: Hạn chế lớn nhất về điều kiện tự nhiên của Đông Nam Bộ là:

A. bão, lũ lụt, hạn hán.

B. gió Lào khô nóng, bão cát.

C. xâm nhập mặn, ngập úng.

D. sóng lừng, sạt lở bờ biển.

Câu 9: Nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm đô thị hóa ở Đông Nam Bộ?

A. Các đô thị đều là đô thị lớn.

B. Là vùng có đô thị hóa sớm nhất ở nước ta.

C. Các đô thị đều mới hình thành trong quá trình công nghiệp hóa.

D. Có tỉ lệ dân thành thị cao nhất ở nước ta.

Câu 10: Đông Nam Bộ không có thế mạnh về:

A. cây công nghiệp.

B. dầu khí.

C. cây lương thực

D. kinh tế biển.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành *Phiếu bài tập*.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lần lượt đọc đáp án đúng.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, đọc đáp án khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	A	D	B	D
Câu hỏi	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	C	D	C

- GV chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2. Trả lời câu hỏi bài tập - phần Luyện tập SGK tr.209

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Dựa vào hình 19.3, hãy trình bày sự phân bố ngành công nghiệp ở Đông Nam Bộ.*



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học thực hiện hoàn thành bảng.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện một số HS trình bày nội dung bài tập.
- GV yêu cầu các HS khác quan sát, nhận xét, nêu ý kiến khác (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận: *Các ngành công nghiệp của vùng phân bố tập trung tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao ở tứ giác TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.*

+ *Ngành dệt, sản xuất trang phục; hóa chất; phân bố ở các trung tâm công nghiệp: Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Thuận An, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.*

+ *Ngành cơ khí phân bố ở các trung tâm công nghiệp: Thủ Dầu Một, Biên Hòa TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.*

+ *Ngành luyện kim đen phân bố ở các trung tâm công nghiệp: Thuận An, TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa,*

+ *Ngành luyện kim màu phân bố ở các trung tâm công nghiệp: Thuận An, TP Hồ Chí Minh*

- + Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm phân bố ở các trung tâm công nghiệp: Thủ Dầu Một, Thuận An, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.
- + Ngành sản xuất vật liệu xây dựng phân bố ở các trung tâm công nghiệp: Thủ Dầu Một, Biên Hòa, TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.
- + Ngành sản xuất giấy; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính phân bố ở các trung tâm công nghiệp: Thủ Dầu Một, Biên Hòa, TP Hồ Chí Minh.
- + Ngành đóng tàu; nhiệt điện phân bố ở các trung tâm công nghiệp: TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu.
- + Ngành sản xuất ô tô phân bố ở trung tâm công nghiệp TP Hồ Chí Minh.
- + Ngành hóa dầu phân bố ở trung tâm công nghiệp Vũng Tàu.
- GV chuyển sang nội dung mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:

- củng cố kiến thức đã học về Đông Nam Bộ.
- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.209.

c. Sản phẩm: Câu trả lời bài tập phần Vận dụng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Hãy lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:*

Nhiệm vụ 1: *Sưu tầm hình ảnh và các thông tin về vùng Đông Nam Bộ. Sau đó, chia sẻ với các bạn cùng lớp.*

Nhiệm vụ 2: *Viết một bài báo cáo ngắn về sự phát triển kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh trong 20 năm gần đây.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm thêm thông tin trên sách, báo, internet để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại kiến thức đã học:
 - + *Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ*
 - + *Đặc điểm điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên*
 - + *Đặc điểm phân bố dân cư*
 - + *Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế.*
- Hoàn thành bài tập phần Vận dụng SGK tr.209.
- Đọc và tìm hiểu trước nội dung *Bài 20: Thực hành – Viết báo cáo về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.*